

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 9 - 2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Lệ Nga**

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Võ Trang Dũng T**; sinh năm 1965 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 355 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị G**; sinh năm 1966 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 355 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Trang Dũng T trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1985; đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố G; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01, ngày 30/5/2011.

Quá trình chung sống, thời gian đầu ông và bà G chung sống hạnh phúc, có với nhau 02 (Hai) con chung tên Võ Minh T, sinh năm 1988 và Võ Minh L, sinh năm 1990. Tuy nhiên, thời gian về sau giữa vợ chồng ông có nhiều bất đồng, mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu là do trong cuộc sống bà G cùng gia đình có thái độ cư xử thiếu tôn trọng ông, vợ chồng thường hay cãi vã, thậm chí xảy ra xô xát, từ đó tình cảm rạn nứt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc; ông đã nhiều lần bỏ nhà đi vì mâu

thuần, đồng thời cũng đã nhiều lần hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ông và bà G đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà G.

Về con chung: Do các con chung đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Võ Trang Dũng T xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà G; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị G:** Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, tuy nhiên bà G không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Võ Trang Dũng T khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị G; địa chỉ cư trú tại: Số 355 đường T, phường S, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn".

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, ông T đồng ý xét xử vắng mặt bà G theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị G.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Trang Dũng T và bà Nguyễn Thị G được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1985 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường S, thành phố G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/5/2011, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Trang Dũng T, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn; nguyên nhân theo ông T xác định là do trong quá trình chung

sống bà G cùng gia đình có thái độ và cách cư xử không tôn trọng ông, từ đó vợ chồng ông bà thường xảy ra cãi vã, thậm chí có khi xô xát, dẫn đến tình cảm rạn nứt, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc; ông T nhiều lần bỏ nhà đi sau đó cũng đã chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, ông và bà G đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà G. Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; phía bà G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên bà G không có mặt và không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hôn nhân không có khả năng đoàn tụ; do đó sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trang Dũng T, xử cho ông T được ly hôn với bà G.

[5] Về con chung: Ông T xác định 02 (Hai) con chung giữa ông và bà G là Võ Minh T, sinh năm 1988 và Võ Minh L, sinh năm 1990 đều đã trưởng thành, ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Do bà Nguyễn Thị G không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này bà G có yêu cầu về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Trang Dũng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Trang Dũng T và bà Nguyễn Thị G.

2. Về quan hệ con chung: Ông Võ Trang Dũng T xác định 02 (Hai) con chung giữa ông và bà G là Võ Minh T, sinh năm 1988 và Võ Minh L, sinh năm 1990 đều đã trưởng thành; ông T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Trang Dũng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001624 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2018). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yên

